

Số: 228/TB-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc tiếp nhận hồ sơ các chế độ chính sách của sinh viên chính quy
Lần 1, năm học 2025-2026

Căn cứ vào các quy định về các chính sách miễn, giảm học phí; trợ cấp xã hội; chính sách giáo dục cho sinh viên dân tộc thiểu số có hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; chính sách giáo dục cho sinh viên là người khuyết tật có hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Trường Đại học Kinh tế - Luật thông báo đến sinh viên về đợt tiếp nhận hồ sơ các chế độ, chính sách xã hội lần 1, năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

1. CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

a. Đối tượng và danh mục hồ sơ cần nộp

ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP (Bản sao y chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc)	MỨC MIỄN, GIẢM
Đối tượng 1.1: Người có công với cách mạng. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao y có chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công được xác định theo theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội;	Miễn học phí
Đối tượng 1.2: Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Con của anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng thân nhân người có công với cách mạng được xác định theo theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội; - Bản sao y có chứng thực Giấy khai sinh; - Bản sao y có chứng thực Căn cước công dân.	Miễn học phí
Đối tượng 1.3: Sinh viên là con liệt sỹ.		
Đối tượng 1.4: Sinh viên là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.		
Đối tượng 1.5: Sinh viên là con của bệnh binh.		
Đối tượng 1.6: Sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.		

ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP (Bản sao y chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc)	MỨC MIỄN, GIẢM
Đối tượng 2: Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại điều 5, Nghị định 20/2021/NĐ-CP. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Quyết định về việc trợ cấp xã hội hoặc Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh. 	Miễn học phí
Đối tượng 3: Sinh viên khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao y có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật. 	Miễn học phí
Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao y có chứng thực Giấy khai sinh; - Bản sao y có chứng thực Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp; - Bản sao y có chứng thực Căn cước công dân. 	Miễn học phí
Đối tượng 5: Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (<i>La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bô Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu</i>) quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, có hộ khẩu thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao y có chứng thực Giấy khai sinh; - Bản sao y có chứng thực hoặc bản gốc Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú tại địa phương; - Bản sao y có chứng thực Căn cước công dân. 	Miễn học phí
Đối tượng 6: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao y có chứng thực Giấy khai sinh; - Bản sao y có chứng thực hoặc bản gốc Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú tại địa phương; - Bản sao y có chứng thực Căn cước công dân. 	Giảm 70% học phí
Đối tượng 7: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Bản sao y có chứng thực Giấy khai sinh; - Bản sao y có chứng thực Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc 	Giảm 50% học phí

ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP (Bản sao y chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc)	MỨC MIỄN, GIẢM
	mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do cơ quan bảo hiểm xã hội cấp.	
Đối tượng 8: Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Quyết định đi học theo chế độ cử tuyển của cấp có thẩm quyền đối với thí sinh cử tuyển	Miễn học phí

b. Quy định về chế độ miễn, giảm học phí

- Mức miễn, giảm học phí được áp dụng theo mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Phần còn lại sinh viên phải đóng bằng chênh lệch giữa mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 238/2025/NĐ-CP và mức hỗ trợ của Nhà nước, trừ trường hợp đối với các ngành nghề quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định 238/2025/NĐ-CP, người học phải đóng bằng phần chênh lệch giữa mức học phí thực tế của cơ sở giáo dục và mức hỗ trợ của Nhà nước.

- Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên xác định mức phần trăm miễn, giảm học phí của sinh viên theo từng hồ sơ cụ thể. Phòng Tài chính xác định mức học phí cụ thể sinh viên được miễn, giảm và mức tiền học phí chênh lệch sinh viên cần đóng bổ sung.

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi. Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn quy định tại văn bản pháp luật khác.

- Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học.

- Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được tính trong dự toán để cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với các môn học lần một theo chương trình học, không áp dụng cho các môn học lại, học cải thiện.

2. CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP XÃ HỘI

ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP (Bản sao y chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc)	MỨC HƯỞNG TRỢ CẤP
Đối tượng 1: Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.	- Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theo mẫu: 01/TCXH);	140.000đ/tháng

ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP (Bản sao y chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc)	MỨC HƯỞNG TRỢ CẤP
	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xác nhận của chính quyền địa phương, sinh viên có cha hoặc mẹ là người dân tộc ít người ở vùng cao có hộ khẩu thường trú tại địa phương từ 03 năm trở lên (<i>tham khảo mẫu: 03/TCXH</i>); - Bản sao y có chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc có đăng ký thường trú tại địa phương; - Bản sao y có chứng thực giấy khai sinh. 	
Đối tượng 2: Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (<i>theo mẫu: 01/TCXH</i>); - Bản sao y có chứng thực giấy khai sinh; - Bản sao y có chứng thực giấy chứng tử của cha và mẹ; - Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của chính quyền địa phương. (Trường hợp sinh viên không có giấy chứng tử của cha và mẹ) (<i>tham khảo mẫu: 04/TCXH</i>). 	100.000đ/tháng
Đối tượng 3: Sinh viên là người khuyết tật theo quy định tại Luật Người khuyết tật năm 2010, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, được Hội đồng Giám định y khoa có thẩm quyền xác định mức suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (<i>theo mẫu: 01/TCXH</i>); - Biên bản giám định y khoa (<i>theo mẫu tại Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01/02/2023 của Bộ Y tế</i>) hoặc Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã, phường cấp (<i>theo mẫu tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</i>); - Bản sao y có chứng thực Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường về việc có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. 	100.000đ/tháng
Đối tượng 4: Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (<i>theo mẫu: 01/TCXH</i>); - Giấy chứng nhận là sinh viên thuộc hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (<i>theo mẫu 01/TCXH chứng nhận ban hành kèm theo Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 03 tháng 8 năm 2009</i>); - Có điểm rèn luyện ≥ 70 và điểm trung bình học tập trong kỳ được xét ≥ 7.0. 	100.000đ/tháng

3. CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC

a. Đối tượng và danh mục hồ sơ cần nộp

ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP (Bản sao y chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc)	MỨC HỖ TRỢ
Đối tượng 1: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC, ngày 15/10/2014); - Bản sao y có chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp; - Bản sao y có chứng thực giấy khai sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ chi phí học tập: 60% mức lương cơ sở, 10 tháng/năm học/sinh viên
Đối tượng 2: Sinh viên là người khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao y có chứng thực Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (Mẫu số 01 - Thông tư 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012); - Bản sao y có chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ chi phí học tập: 80% mức lương cơ sở, 10 tháng/năm học/sinh viên. - Hỗ trợ kinh phí mua phương tiện và đồ dùng học tập: 1.000.000đ/năm học/sinh viên.

b. Quy định về chính sách giáo dục cho sinh viên

- Sinh viên bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực. Trường hợp sinh viên thuộc đối tượng 2 đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và mua phương tiện, đồ dùng học tập bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì phải hoàn trả lại số tiền đã nhận kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực cho Trường.

- Sinh viên bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ, trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận.

4. CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ

- **Thời gian tiếp nhận hồ sơ:** từ ngày ra thông báo đến hết ngày 16/10/2025.

- **Cách thức nộp hồ sơ:** Sinh viên thuộc các đối tượng nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp theo thành phần quy định của từng chế độ, chính sách sinh viên tại Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên và nộp hồ sơ trực tuyến theo hướng dẫn cụ thể tại email thông báo.

- **Quy trình thực hiện:**

NỘI DUNG	THỜI GIAN DỰ KIẾN
1. Sinh viên nộp hồ sơ xét chính sách bản file và bản giấy cho Phòng TS&CTSV	22 ngày (từ ngày 25/9/2025 đến hết ngày 16/10/2025)
2. Phòng TS&CTSV tổng hợp, rà soát hồ sơ	07 ngày (từ ngày 17/10/2025 đến hết ngày 23/10/2025)
3. Phòng TS&CTSV gửi danh sách dự kiến xét miễn, giảm học phí cho sinh viên kiểm tra và bổ sung hồ sơ	08 ngày (từ ngày 24/10/2025 đến hết ngày 31/10/2025)
4. Hội đồng họp xét miễn, giảm học phí cho sinh viên và ra Quyết định mức miễn, giảm học phí cho từng đối tượng sinh viên	07 ngày (từ ngày 01/11/2025 đến hết ngày 07/11/2025)
5. Phòng Tài chính thông báo số tiền học phí chính thức được miễn, giảm và số tiền học phí cần đóng của sinh viên	07 ngày (từ ngày 08/11/2025 đến hết ngày 14/11/2025)

Những vướng mắc trong quá trình nộp hồ sơ các chế độ, chính sách, sinh viên vui lòng liên hệ tại Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên để được hướng dẫn, hỗ trợ:
 Phòng A.007_Tòa nhà A, Trường Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG-HCM);
 Liên hệ: (028) 37244555 (ext: 6332) gặp chuyên viên Trần Thanh Thảo;
 Email: phongts-ctsv@uel.edu.vn;
 Trân trọng./.

Nơi nhận:

- TS Trần Thanh Long (để báo cáo);
- Sinh viên (để thực hiện);
- Lưu: TS&CTSV (TTT, 2).

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH
VÀ CÔNG TÁC SINH VIÊN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Phương Thảo